TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22-12-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Trần Đăng Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dỏn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 163/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ninh Thị C, nơi cư trú: Cụm 2A, ĐN, xã TH, huyện B, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam: Cụm 2A, ĐN, xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Lãnh thổ Đài Loan. Vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Ninh Thị C trình bày:

Chị kết hôn với Trần Văn T trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng vào ngày 16 tháng 11 năm 2010. Quá trình

chung sống của vợ chồng hạnh phúc đến tháng 9 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xảy ra cãi nhau. Vợ chồng đã cố gắng tìm cách giải quyết mâu thuẫn song không đạt kết quả. Vợ chồng sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Chị chỉ biết anh T đang sinh sống, lao động ở Đài Loan còn địa chỉ cụ thể thì chị không biết. Anh T vẫn thường xuyên liên lạc với mẹ chồng chị là bà Nguyễn Thị T, địa chỉ: Cụm 2A, Điềm Niêm, xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T để chị nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Thanh B, sinh ngày 25/02/2012 và Trần Hoàng M, sinh ngày 06/9/2014. Ly hôn, chị đề nghị để cho anh T nuôi dưỡng cháu Bình, còn chị nuôi dưỡng cháu Minh. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị xin tự giải quyết với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xin tự giải quyết với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Văn T:

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý cho mẹ đẻ anh là bà Nguyễn Thị T. Tòa án đã 2 lần thông báo cho bà Tươi cung cấp địa chỉ của anh T ở Lãnh thổ Đài Loan và yêu cầu bà cho biết kết quả về việc bà đã thông báo cho anh T để gửi lời khai về Tòa án chưa. Lời khai của bà Nguyễn Thị T thể hiện: Anh T vẫn thường xuyên liên lạc với bà Tươi nhưng bà Tươi không biết địa chỉ cụ thể anh T ở Lãnh thổ Đài Loan. Anh T biết việc chị C xin ly hôn. Do anh T bận công việc nên anh chưa gửi tài liệu chứng cứ về cho Tòa án. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được gia đình hòa giải song không đạt kết quả. Hiện nay, cả hai con chung của anh chị đều đang ở với chị C. Nếu Tòa án cho anh T và chị C ly hôn thì nguyện vọng của gia đình bà để cho anh T nuôi cả hai con chung.

Tại phiên tòa, chị Ninh Thị C và anh Trần Văn T đều vắng mặt và chị C có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xin vắng mặt của chị C thể hiện chị vẫn giữ nguyên lời khai như tại bản tự khai và tại phiên họp công khai chứng cứ.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ , tham gia phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự ; bị đơn Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Ninh Thị C và anh Trần Văn T xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng vào ngày 16 tháng 11 năm 2010 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ninh Thị C. Về con chung: Giao con chung Trần Thanh B, sinh ngày 25/02/2012 cho anh T nuôi dưỡng, giao con chung là Trần Hoàng M, sinh ngày 06/9/2014 cho chị Ninh Thị C nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị C xin tự giải quyết với anh T nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung: Chị C xin tự giải quyết với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn anh Trần Văn T hiện đang sinh sống ở nước ngoài (Lãnh thổ Đài Loan), nguyên đơn chị Ninh Thị C sinh sống tại thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Ninh Thị C và anh Trần Văn T đều vắng mặt, chị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn T: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ninh Thị C và anh Trần Văn T xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng vào ngày 16 tháng 11 năm 2010 theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng thể hiện: Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến tháng 9 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống,

thường xẩy ra cãi nhau. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau gần 2 năm. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải song không đạt kết quả. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị C và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của chị C.

[4] Về con chung: Chị Ninh Thị C và anh Trần Văn T có hai con chung là: Trần Thanh B, sinh ngày 25/02/2012 và Trần Hoàng M, sinh ngày 06/9/2014. Xét thấy: Mặc dù gia đình anh T có đề nghị để anh T được nuôi dưỡng cả hai con chung, tuy nhiên hiện nay anh T đang ở nước ngoài, cháu Minh còn nhỏ và cháu đang ở với chị C. Mặt khác, chị C có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Minh, còn cháu Bình có nguyện vọng ở với anh T. Chính vì vậy cần giao cháu Bình cho anh T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Minh cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Ninh Thị C không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, chị xin tự giải quyết với anh Trần Văn T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ninh Thị C là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Ninh Thị C và anh Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ninh Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ninh Thị C được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Thanh B, sinh ngày 25/02/2012 cho anh Trần Văn T và giao con chung Trần Hoàng M, sinh ngày 06/9/2014 cho chị Ninh Thị C nuôi dưỡng. Anh T và chị C nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18

tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ninh Chị C không yêu cầu giải quyết, chị xin tự giải quyết với anh Trần Văn T nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Ninh Thị C không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, chị xin tự giải quyết với anh Trần Văn T nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ninh Thị C phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0008731 ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Ninh Thị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Ninh Thị C (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Anh Trần Văn T (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dương